

Bản án số: 11/2024/DSST

Ngày: 17/4/2024

"Tranh chấp hợp đồng mua bán thức  
ăn chăn nuôi"

NGHĨA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Nga và bà Nguyễn Thị Thùy Liễu.

- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Th- ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương: Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 160/2023/TLST-DS ngày 24/11/2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXX-DS ngày 12/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-DS ngày 02/4/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi" giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Kiên C, sinh năm 1966.

ĐKHKTT và cư trú: Thôn XN, xã HĐ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện ủy quyền nguyên đơn: Ông Hà Anh K, sinh năm 1962.

Trú tại: Số 93 NB, phường HT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn:** Ông Chu Văn P, sinh năm 1981.

ĐKHKTT và cư trú: Thôn KH, phường NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1971. Người đại diện ủy quyền bà Lan A là ông Nguyễn Kiên C, sinh năm 1966.

Đều trú tại: Thôn XN, xã HĐ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Ông C, ông K, ông P có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

**\* Nguyên đơn ông Nguyễn Kiên C và là người ủy quyền người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện ủy quyền nguyên đơn tại phiên tòa trình bày:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa ông C vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Chu Văn P trả nợ ông với nội dung sau: Ông C và ông Chu Văn P có quan hệ ông C là chủ hàng bán cám còn ông P là khách hàng mua cám mục đích chăn nuôi cá lồng mua cám của ông và vợ ông (Lan A). Vợ ông (Lan A) là kế toán và xuất hàng, là người theo dõi công nợ tại nhà. Còn ông là chủ hộ là người trực tiếp giao dịch và quyết định với khách hàng: Phần thể hiện trên sổ giao cám đăng sau ghi ngày tháng có số 1032 và 1332 và 1028 là ký hiệu mã bao được nhân với số tiền tương ứng bằng số tiền cộng với nợ chuyển trước, bằng tổng số tiền nợ tới thời điểm ký. Thời điểm ông P mua cám của vợ chồng ông từ đầu năm 2016 ông cùng ông P có thỏa thuận mua bán cám cá cho các lồng nuôi của ông P tại sông Thái Bình ở xã NĐ, Nam Sách, Hải Dương (nay là NĐ, thành phố Hải Dương). Ban đầu ông C chỉ bán bằng tiền mặt cho đến tháng 09/2016 thì ông P có đề nghị ông bán chịu, ông C có đưa hợp đồng in sẵn cho ông P tham khảo và bán về phương thức thanh toán, giới hạn công nợ và ký hợp đồng nhưng ông P nói chỉ chịu gói chuyển và chịu ít thôi nên không cần hợp đồng và nói sẽ trả lãi và thanh toán như mọi người. Nên ông tin và cũng đồng ý. Do ông P thường xuyên trả tiền nên ông không tính lãi theo từng tháng mà để khi lên cá trả hết tiền ông mới tính lãi. Khi giao nhận hàng đều được ông P kiểm nhận số bao cám, quy thành tiền, cộng đuổi chuyển trước với chuyển sau, số tiền đã trả, số tiền còn nợ và đã ký nhận đầy đủ. Cụ thể ông P đã nhận cám và nợ tiền ông từ ngày 20/9/2016, ngày 06/9/2016 tổng nợ: 91.500.000đ, năm 2016 trang trước chuyển sang nợ 225.700.000đ (**BL58 bản gốc**); năm 2016: 343.500.000đ (**BL57 bản gốc**); năm 2017 cộng trang trước chuyển sang: đến ngày 13/6/2017 ông Phước còn nợ: 276.000.000đ (*hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng chẵn*) (**BL56 bản gốc**).

Từ đó đến nay đã rất nhiều lần vợ chồng ông đến đòi tiền, ông P đều hứa lên cá sẽ trả, nhưng nhiều lần ông P lên cá đều không trả tiền cho ông mà còn nói ông cắt cám giữa chừng nên chưa trả. Những lần ông đến đòi nợ chỉ nói chuyện trực tiếp bằng lời nói chứ không thiết lập được bằng văn bản. Khi ông đến đòi nợ đều có một số khách hàng xung quanh chứng kiến nhưng họ không làm chứng cho ông. Cụ thể lần gần nhất tháng 10, 11, 12/2023 ông có đến đòi tiền ông P, ông P có nhận nợ xin trả dần và không trả lãi nhưng ông không nhất trí. Cho đến nay ông P vẫn chưa trả tiền gốc và lãi cho ông.

Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân thành Phố Hải Dương thụ lý xem xét giải quyết những việc sau đây :

Buộc ông Chu Văn P phải thanh toán trả nợ cho vợ chồng ông tổng số tiền là: 464.900.000đ (*Bốn trăm sáu mươi tư triệu chín trăm ngàn đồng chẵn*) bao gồm:

1. Số tiền gốc là 276.000.000vnd (*Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng chẵn*)

2. Thanh toán tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 bộ luật dân sự cụ thể như sau : Từ ngày 13/06/2017 đến ngày Tòa án xét xử ngày 17/4/2024: 06 năm 10 tháng 04 ngày= 2464 ngày với lãi suất 10%/năm của số tiền gốc 276.000.000đ (  $276.000.000 \times 10\% / \text{năm} \times 2.464 \text{ ngày} = 188.906.000\text{đ}$  ). Làm tròn 188.900.000đ (*một trăm tám mươi tám triệu chín trăm ngàn đồng*).

Ông K nhất trí trình bày của ông C và không có ý kiến trình bày gì thêm.

**Bị đơn ông Chu Văn P tại phiên tòa trình bày:** Ông có quan hệ với ông C là khách hàng mua cám của ông C để ông nuôi cá. Ông mua cám của ông C từ ngày 20/9/2016 đến ngày 13/6/2017. Giao dịch mua bán cám giữa ông và ông C không có Hợp đồng văn bản mà chỉ thỏa thuận với nhau bằng miệng. Các tài liệu ông C cung cấp cho Tòa án về việc ông mua cám của ông C từ ngày 20/9/2016 đến ngày 13/6/2017 là đúng, nội dung chữ viết trong các tài liệu là chữ của ai ông không biết, ông xác định trong các tài liệu ông nhận được ghi “Đã nhận đủ cám – P” là đúng chữ viết, chữ ký của ông nhưng ông xác nhận đơn khởi kiện ông C đòi ông số 276.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng*) tiền gốc mua cám là đúng. Ông C yêu cầu ông thanh toán tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự; cụ thể tính từ ngày 13/6/2017 đến ngày xét xử: 17/4/2024 với lãi suất 10%/năm số tiền gốc 276.000.000đ lãi là 188.900.000đ ông không chấp nhận trả lãi vì khi mua bán cám với ông C không có thỏa thuận về lãi nhưng đã được tính lãi vào trả tiền cho ông C từng bao cám. Từ khi ông nợ ông C tiền mua cám thỉnh thoảng ông C có đến tìm ông đòi nợ và có khoảng 2-3 lần bà Lan A có gọi điện đòi nợ ông tiền mua cám nhưng ông chưa trả được tiền cho ông C vì do dịch bệnh, cá chết bị bệnh. Ông xác định ông còn nợ ông Cường tiền mua cám gốc 276.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng*) là đúng, ông đề nghị ông Cường cho ông trả dần, còn tiền lãi ông đề nghị ông C không tính lãi với khoản tiền gốc 276.000.000đ với số tiền lãi 188.900.000đ.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:** Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX), Th- ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr-ớc thời điểm HĐXX nghị án, đã thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS, Điều 357, 440, 468 Bộ luật dân sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 36/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kiên C, buộc ông Chu Văn P phải trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Kiên C và bà Nguyễn Thị Lan A số tiền nợ gốc 276.000.000đ tiền gốc và tiền lãi: 188.900.000đ. Tổng 464.900.000đ.

2. Về án phí ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Kiên C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp pháp luật: Ông Nguyễn Kiên C khởi kiện ông Chu Văn P tiền gốc, lãi về giao dịch dân sự mua bán thức ăn chăn nuôi. Ông P trú tại Thôn KH, phường NĐ, thành phố Hải Dương. HĐXX xác định quan hệ tranh chấp vụ án Dân sự "Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS).

[2] Về quan hệ pháp luật và thời hiệu yêu cầu khởi kiện: Ông C khởi kiện ông P trả ông tiền gốc 276.000.000đ ngày 13/6/2017. Theo Điều 429 Bộ luật dân sự thể hiện thời hiệu khởi kiện về hợp đồng dân sự là 03 năm. Ông P nhận còn nợ ông C tiền mua thức ăn cám cho cá ngày 13/6/2017. Ông C nhiều lần đòi tiền gốc 276.000.000đ, lãi suất chậm trả. Tuy nhiên ông P đã nhận nợ ông C được thể hiện tại biên bản lấy lời khai, lời trình bày tại phiên tòa ngày 17/4/2024 của ông P vào tháng 12/2023 và xin trả dần gốc và không trả lãi cho ông C. Do vậy HĐXX xác định vụ án dân sự vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 157 Bộ luật dân sự và xác định quan hệ tranh chấp là Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi.

### **[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Nguyên đơn ông C yêu cầu ông P trả nợ tiền mua cám số tiền gốc 276.000.000đ. Xét thấy giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi cá giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Ông C, ông P đều xác nhận quá trình thực hiện hợp đồng bên bán đã giao đầy đủ hàng, đúng thời gian, địa điểm đúng chủng loại đảm bảo chất lượng nhưng bên mua không thực hiện trả nợ vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Theo thỏa thuận ông P nhận trả nợ vợ chồng ông C ngày 13/6/2017

số tiền gốc 276.000.000đ. Đến nay ông P không trả nợ vi phạm nghĩa vụ theo Điều 440 Bộ luật dân sự và xin trả nợ dần nhưng ông C không đồng ý. Do vậy cần buộc ông P trả nợ ông C, bà Lan A số tiền gốc 276.000.000đ (*hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng chẵn*).

\*Lãi suất: Nguyên đơn ông C yêu cầu bị đơn ông P trả lãi suất chậm trả khoản tiền gốc 276.000.000đ thời gian từ ngày 13/6/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử ngày 17/4/2024 với lãi suất 10%/năm. Cụ thể:  $276.000.000đ \times 10\% / \text{năm} \times 2.464 \text{ ngày} = 188.906.000đ$  (làm tròn 188.900.000đ).

Bị đơn không chấp nhận trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn vì ông cho rằng những lần ông thanh toán tiền cầm cho ông C giá tiền mỗi bao cầm đều có tiền lãi và hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Xét yêu cầu của ông C nguyên đơn thì ông P là bên mua hàng không thanh toán tiền theo thỏa thuận vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi suất chậm trả cho bên bán.

Đối với yêu cầu của bị đơn không có tài liệu cung cấp cho Tòa án thể hiện khi thanh toán tiền cầm cho ông C đã có tiền lãi trong từng bao cầm. Do vậy yêu cầu của ông P không được chấp nhận. HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông C buộc ông P thanh toán trả lãi của khoản tiền nợ gốc 276.000.000đ với lãi suất chậm trả 10%/năm của số tiền gốc 276.000.000đ từ ngày 13/7/2017 đến ngày xét xử ngày 17/4/2024 số tiền 188.900.000đ theo khoản 3 Điều 440, Điều 357, 468 Bộ luật dân sự (viết tắt BLDS)

Về án phí: Yêu cầu của ông C được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Ông P có trách nhiệm trả nợ gốc lãi suất tổng số 464.900.000đ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 22.596.000đ theo Nghị quyết số 36/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 157, 430, Điều 440, 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí tòa án; Nghị quyết số 36/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kiên C buộc ông Chu Văn P trả ông Nguyễn Kiên C và bà Nguyễn Thị Lan A số tiền gốc

**276.000.000đ** (hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng chẵn) và tiền lãi của số tiền gốc 276.000.000đ là: **188.900.000đ** (một trăm tám mươi tám triệu chín trăm ngàn đồng). Tổng: **464.900.000đ** (bốn trăm sáu mươi tư triệu chín trăm ngàn đồng chẵn).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**Về án phí:** Ông Chu Văn P phải chịu 22.596.000đ (hai mươi hai triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ông Phước chưa nộp).

Hoàn trả ông Nguyễn Kiên C số tiền nộp tạm ứng án phí 10.832.000đ (mười triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng) (do ông Hà Văn Kiệt nộp) theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0002757 ngày 21/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Hải Dương
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự thành phố Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hương**